

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 01 - 2020

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 514/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hà M, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp HL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Quốc V, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp HL, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Hà M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lâm Quốc V kết hôn vào ngày 02/12/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chung sống không hạnh phúc. Anh V không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo lắng cho cuộc sống vợ chồng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lâm Ngọc H, sinh ngày 21/02/2017 âm (nhằm ngày 18/3/2017 dương) hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa:

- Chị M giữ nguyên yêu cầu.

- Anh V xin đoàn tụ, trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Hà M khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Lâm Quốc V là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 02/12/2015, chị M và anh V kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Những nguyên nhân mâu thuẫn do chị M xác định đã được anh V thừa nhận. Theo chị M thì mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nhưng anh V cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, anh tha thiết được đoàn tụ. Đồng thời, anh V có đưa ra giải pháp đó là: Anh V hứa sẽ khắc phục, sửa chữa những mâu thuẫn trước đây, trường hợp chị M đồng ý đoàn tụ, nhưng không thể sống chung nhà với cha mẹ anh thì vợ chồng cất nhà ở riêng, việc này chị M không đồng ý.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh V đã có những mâu thuẫn xảy ra mà các bên không thể hàn gắn được. Mặc dù, anh V hứa sẽ khắc phục, sửa chữa những mâu thuẫn trước đây và có đưa ra giải pháp để mong chị M đoàn tụ. Tuy nhiên, chị M xác định do anh V hứa nhiều lần mà không thay đổi, còn giải pháp của anh V đưa ra là không khả thi nên chị không còn lòng tin đối với anh V, chị tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh V. Mặt khác, trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân thì anh V, chị M cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc này cũng thể hiện anh V, chị M không thật sự còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của nhau.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị M với anh V đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về quan hệ hôn nhân.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử cháu H chưa tròn 36 tháng tuổi, hiện đang sống chung với chị M có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi, anh V đồng ý. Tại phiên tòa, chị M xác định hiện nay chị đảm bảo điều kiện nuôi dạy cháu Hân. Xét thấy: Yêu cầu nuôi con của chị M là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M về con chung.

[5] Xét về cấp dưỡng, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị M, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hà M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Hà M được ly hôn với anh Lâm Quốc V.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Ngọc H, sinh ngày 18/3/2017 cho chị Phạm Hà M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lâm Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Phạm Hà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009989 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Phạm Hà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

